

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/DS-ST**

Ngày: 09-02-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng*

*góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Phúc Đ, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1994;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ: Chị Lâm Thị Cẩm K, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1994, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2022 (có mặt);

**2. Bị đơn:** - Chị Lý Thị Út C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Phi N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp BBB, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong các đơn khởi kiện ngày 19/7/2022 của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị Cẩm K người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Dây hội mở ngày 06/01/2021, loại hội 3.000.000 đồng, gồm có 26 phần, anh Huỳnh Phúc Đ tham gia góp 01 phần hội mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 06 hàng tháng, hội có hoa hồng 3.000.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 1.500.000 đồng tiền hoa hồng, anh Huỳnh Phúc Đ góp được 07 lần hội sống thì chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N tuyên bố bế hội (tháng 7/2021) không góp nữa, từ khi chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N tuyên bố bế hội đến nay thì chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N không có liên hệ thỏa thuận trả số tiền hội nói trên cho anh Huỳnh Phúc Đ, ngày mãn hội 10/12/2022. Theo hội vốn góp vào là 13.200.000 đồng (06 lần x 2.200.000 đồng), hội được lĩnh là 18.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 750.000 đồng, còn lại là 17.250.000 đồng. Nay chị đại diện cho anh Huỳnh Phúc Đ yêu cầu chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải trả cho anh Huỳnh Phúc Đ số tiền hội là 17.250.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ nói trên, nếu vi phạm bất cứ lần hẹn trả nào thì anh Huỳnh Phúc Đ có quyền yêu cầu thi hành 01 lần đủ số tiền phải thi hành, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lý Thị Út C trình bày như sau:*

Chị thừa nhận chị có làm chủ hội từ năm 2016 đến khi tuyên bố bế hội, nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình nhưng do trong quá trình làm chủ hội các hội viên không góp hội, đến tháng 7/2021 âm lịch thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, trong quá trình làm chủ chị không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập danh sách hội gửi cho các hội viên tham gia 01 danh sách phô tô để hội viên theo dõi. Thời gian làm chủ hội thì anh Huỳnh Phúc Đ tham gia góp 01 dây hội mở ngày 06/01/2021, loại hội 3.000.000 đồng, gồm có 26 phần anh Huỳnh Phúc Đ tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 06 hàng tháng, hội có hoa hồng, loại hội 3.000.000 đồng thì chị thu giữ 1.500.000 đồng tiền hoa hồng, anh Huỳnh Phúc Đ góp được 06 lần hội sống thì chị tuyên bố bế hội (tháng 7/2021) không góp nữa, từ khi chị tuyên bố bế hội đến nay thì chị không có liên hệ thỏa thuận trả số tiền hội nói trên cho anh Huỳnh Phúc Đ, ngày mãn hội 10/12/2022. Theo hội vốn góp vào, anh Huỳnh Phúc Đ góp số tiền là 13.200.000 đồng (06 lần x 2.200.000 đồng), theo anh Huỳnh Phúc Đ được lĩnh hội là 18.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 750.000 đồng, còn lại là 17.250.000

đồng. Nay chị đồng ý theo chị Lâm Thị Cẩm K người đại diện của anh Huỳnh Phúc Đ trả số tiền hui còn nợ anh Huỳnh Phúc Đ là 17.250.000 đồng, mỗi tháng trả 500.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ nói trên, nếu vi phạm bất cứ lần hẹn trả nào thì anh Huỳnh Phúc Đ có quyền yêu cầu thi hành 01 lần đủ số tiền phải thi hành, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phi N trình bày như sau:*

Anh có nhận được các thông báo của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về việc nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ yêu cầu anh và vợ anh là chị Lý Thị Út C trả số nợ hui là 18.000.000 đồng, anh xác định vợ anh tham gia góp hui anh biết nhưng anh không có trực tiếp góp hui, anh có ngăn cản chị Lý Thị Út C nhưng chị Lý Thị Út C vẫn kiên quyết chơi hui nên anh không đồng ý trả tiền nợ hui theo yêu cầu của anh Huỳnh Phúc Đ là 18.000.000 đồng, vì anh không có ký nhận nợ và tham gia góp hui nói trên.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân Huỳnh Phúc Đ và sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao); Danh sách tham gia góp hui ngày 06-01-2021 (Bản phô tô); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 20/7/2022 của anh Huỳnh Phúc Đ (Bản chính).

*\* Tại phiên tòa:*

Chị Lâm Thị Cẩm K người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ yêu cầu chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải trả cho anh Huỳnh Phúc Đ số tiền hui là 17.250.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, nếu vi phạm bất cứ lần hẹn trả nào thì anh Huỳnh Phúc Đ có quyền yêu cầu thi hành 01 lần đủ số tiền phải thi hành, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của anh Huỳnh Phúc Đ yêu cầu chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải trả cho số tiền hui là 17.250.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N trả tiền hui còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp BBB, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N nhưng chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị Lâm Thị Cẩm K người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc Đ không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về hợp đồng góp hui giữa anh Huỳnh Phúc Đ và chị Lý Thị Út C xác lập bằng lời nói, hui có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực danh sách hui, không ghi đầy đủ họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ họ, thời gian, thể thức góp hui, lĩnh hui, mức hưởng hoa hồng của chủ họ trong họ hưởng hoa hồng, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được

xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Xét khởi kiện của anh Huỳnh Phúc Đ yêu cầu chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N trả cho anh số tiền hội được lĩnh là 17.250.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng; chị Lý Thị Út C thừa nhận chị còn nợ tiền hội anh Huỳnh Phúc Đ theo như hội được lĩnh là 17.250.000 đồng nhưng chị hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền hội nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể danh sách góp hội xác định được, anh Huỳnh Phúc Đ tham gia góp hội do chị Lý Thị Út C có làm chủ, hiện nay chị Lý Thị Út C còn nợ tiền hội anh Huỳnh Phúc Đ theo như hội được lĩnh là 17.250.000 đồng là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay chị Lý Thị Út C chưa trả số tiền hội nói trên cho anh Huỳnh Phúc Đ là vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ hội theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường là chủ hội phải giao các phần hội cho thành viên được lĩnh hội, nộp thay phần hội của thành viên nếu có thành viên không góp phần hội. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Phúc Đ theo quy định tại Điều 23, khoản 1 Điều 24 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Xét lời khai của anh Nguyễn Phi N cho rằng, chị Lý Thị Út C làm chủ hội từ năm 2016 đến năm 2021 anh biết nhưng anh không trực tiếp góp hội, anh có ngăn cản nhưng chị Lý Thị Út C vẫn kiên quyết chơi hội nên anh không đồng ý trả tiền nợ hội theo yêu cầu của anh Huỳnh Phúc Đ, vì anh không có ký nhận nợ và không tham gia góp hội nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy anh Nguyễn Phi N xác định anh không có tham gia góp hội với anh Huỳnh Phúc Đ nhưng chị Lý Thị Út C tham gia góp hội nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình hoặc tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể:

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....*

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

2. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên”.

Khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Đồng thời, chị Lý Thị Út C làm chủ hội, anh biết, anh có ngăn cản nhưng chị Lý Thị Út C vẫn kiên quyết góp hội là do lỗi của anh. Do đó, buộc anh Nguyễn Phi N cùng chịu trách nhiệm liên đới với chị Lý Thị Út C trả số tiền hội còn nợ là 17.250.000 đồng cho anh Huỳnh Phúc Đ.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phúc Đ và ý kiến yêu cầu của người đại diện hợp pháp của anh Huỳnh Phúc Đ, buộc chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Phúc Đ số tiền hội được lĩnh còn nợ là 17.250.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 4 Điều 18, Điều 24 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biên, phường.

[3] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, húy, biểu, phường;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 30 và khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải trả cho anh Huỳnh Phúc Đ số tiền hụi được lĩnh còn nợ là 17.250.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Lý Thị Út C và anh Nguyễn Phi N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 862.500 đồng (17.250.000 đồng x 5%).

Anh Huỳnh Phúc Đ không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Lâm Thị Cẩm K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.675.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004844 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/02/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**Trần Văn Thảo**